

TỔNG QUAN VỀ CÁC NGUYÊN NHÂN TÁC ĐỘNG TỚI XUNG ĐỘT TỘC NGƯỜI TRÊN THẾ GIỚI¹

TS. Nguyễn Công Thảo
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Bài viết này điếm qua một số nghiên cứu về xung đột tộc người trên thế giới nhằm khái quát hóa các nguyên nhân chính được cho là có tác động đến quá trình này. Dựa trên kết quả tổng quan, 5 nguyên nhân chính được xác định bao gồm: hiểm khích lịch sử; bất cập từ chính sách của nhà nước; tranh chấp nguồn lợi, địa vị; khác biệt tôn giáo, văn hóa; và sự can thiệp của lực lượng ngoài biên giới quốc gia. Tuy nhiên, theo tác giả, để hiểu đầy đủ về xung đột tộc người, cần có cách tiếp cận hệ thống, xem xét mọi yếu tố trong chiều dài lịch sử, thay vì chỉ nhìn vào một nguyên nhân riêng lẻ.

Từ khoá: xung đột tộc người, quan hệ tộc người, lý thuyết tộc người.

Ngày nhận bài: 25/8/2017; ngày gửi phản biện: 2/1/2018; ngày duyệt đăng: 31/1/2018

1. Giới thiệu chung

Kể từ sau thế chiến thứ II và đặc biệt là trong vòng vài thập kỷ trở lại đây, xung đột tộc người (XĐTĐ) đã mở rộng và trở thành hiện tượng phổ biến trên phạm vi toàn cầu (Horowitz, Donald, 1971; Gallager, 2006). XĐTĐ có thể tìm thấy từ Châu Âu sang Châu Á, từ Châu Phi đến Châu Mỹ với nhiều biểu hiện khác nhau: từ các hành vi thù địch ở vùng Bắc Ireland, Chad và Lebanon; phong trào đòi ly khai, tự trị ở các nước Myanmar, Bangladesh, Sudan, Nigeria, Iraq, Philippine, Somalia, Ethiopia, một phần Thổ Nhĩ Kỳ; hay các xung đột giữa Ấn Độ và Pakistan, Brundia và Indonesia; hàng loạt các cuộc nổi loạn ở Ấn Độ, Srilanka, Malaysia, Guyana, Zaire cũng như đã và đang diễn ra ở nhiều quốc gia khác.

Bài viết này là kết quả tổng quan từ một số nghiên cứu về XĐTĐ ở trong phạm vi sáu khu vực địa lý chính: Nam Phi, Cáp Ca, Ban Căng, Trung Đông, Nam Á và một phần Đông Nam Á. Nội dung bài viết tập trung hệ thống hóa các *tác nhân chính* được cho là góp phần dẫn đến XĐTĐ. Việc sắp xếp thứ tự các tác nhân dưới đây không hàm ý xếp hạng, so sánh tầm quan trọng mà chỉ dựa theo kết quả tổng quan từ các nguồn tài liệu bằng tiếng Anh.

¹ Bài viết này là sản phẩm của đề tài “*Hệ thống hóa, phân tích các nghiên cứu về xung đột dân tộc trong khu vực và trên thế giới từ năm 1990 đến nay*”. Mã số: CTDĐT.05.16/16-20, do Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển chủ trì, PGS.TS. Phạm Bích San làm Chủ nhiệm.

2. Các quan điểm lý thuyết chính về nguồn gốc của XDTN

2.1. Hiềm khích lịch sử

Đây là cách tiếp cận xem xét nguyên nhân XDTN dưới phương diện lịch sử. Do đó, nó còn được gọi tên là tiếp cận nghiên cứu các hận thù xa xưa (*ancient hatreds*) giữa các tộc người (Altsadt, Audrey, 1996). Nguyên nhân gốc rễ của xung đột tộc người xuất phát từ những tranh chấp/bất bình đẳng giữa các tộc người đã diễn ra trong lịch sử, được ghi lại trong ký ức của mỗi tộc người. Những ký ức này tồn tại trong cộng đồng như là một ký ức tập thể mà đôi khi chúng bộ lộ rõ ràng, đôi khi chìm ẩn. Nói một cách đơn giản, đây chính là quan hệ yêu - ghét của một nhóm tộc người dành cho một hay một số nhóm tộc người khác. Những sắc thái yêu - ghét hay thù nghịch tộc người bùng nổ khi một tộc người cảm nhận quyền lợi của họ bị đe dọa. Mỗi đe dọa có thể đến từ một hay tập hợp nhiều phương diện thuộc các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, biên giới lãnh thổ, tôn giáo,...

Những hận thù xa xưa nảy sinh giữa các tộc người có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau: tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, hôn nhân bất bình đẳng,... Thông thường, mỗi hận thù đó được hình thành và “khắc sâu” trong tâm trí tộc người thông qua một sự kiện đặc biệt nào đó: cuộc chiến tranh, xâm lược lãnh thổ, thảm sát một bộ phận dân cư,... Bánh xe thời gian có thể làm mờ mỗi hận thù này trong một mức độ nào đó nhưng khó có thể triệt tiêu hoàn toàn. Chỉ cần một va chạm, xung đột nào đó tái xuất hiện, ký ức sẽ trở dậy đem theo mỗi hận thù từ lịch sử và trở thành chất xúc tác cho những xung đột ở hiện tại. Connor (1994) đã minh chứng điều này qua nghiên cứu về một trong những cuộc thảm sát người Bengalis tồi tệ nhất trong lịch sử loài người do người Assamese gây ra vào năm 1971 hay cuộc thảm sát ở Rwanda năm 1994 (Kevin, 2012). Một số ví dụ khác có thể kể ra như ở Yugoslavia, Congo (Curry, 2004).

Do nhìn nhận nguyên nhân XDTN bắt đầu từ căn nguyên lịch sử, xuất phát từ những hận thù xa xưa nên trong nghiên cứu cách nhìn nhận vấn đề như thế được gọi là tiếp cận *khởi nguyên luận* (*primordialist approach*). Hướng tiếp cận này nhấn mạnh đến ảnh hưởng của cảm xúc (*emotions*) tộc người được nghiên cứu với giả thuyết về sự tồn tại nỗi hận thù mang tính lịch sử giữa các nhóm tộc người. Các nhà nghiên cứu về XDTN chỉ ra, trong cách thức tiếp cận khởi nguyên luận, khía cạnh xúc cảm tộc người đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kiến tạo và định hình nên bản sắc tộc người. Sự kiến tạo này được thông qua quá trình giảng dạy, tuyên truyền lặp đi lặp lại mỗi ngày cho đến khi chủ thể nhận thức về quan hệ yêu - ghét một tộc người khác, trở thành một điều gì đó hoàn toàn phù hợp và bình thường (Prazauskas, 1995).

Trên thực tế, dễ dàng nhận thấy cộng đồng tộc người sẵn có những hiềm khích lịch sử với tộc người khác thường sử dụng những hồi ức này như là phương tiện biện minh, bào chữa cho mọi hành động bài ngoại hay thái độ không dung thứ đối với tộc người khác (Prazauskas, 1991). Tiếp cận vấn đề từ góc nhìn này cho rằng, xung đột tộc người là hệ quả

tất yếu của một quá trình lâu dài mà ở đó đã sẵn có các mối hiềm khích lịch sử giữa các tộc người, được hình thành chủ yếu trên hai phương diện: xã hội và chính trị.

Xét trên phương diện học thuật và thực tiễn, tiếp cận dưới góc độ này ít gợi mở ra triển vọng có thể giúp giảm thiểu hay ngăn chặn được xung đột giữa các tộc người thông qua việc tái dựng lại bối cảnh lịch sử của những cuộc XĐTN cụ thể. Thực tế, các nỗ lực nghiên cứu về XĐTN phản ánh mong mỏi và nỗ lực xây dựng một xã hội đa tộc người mà ở đó các tộc người có khả năng hợp tác, chung sống hòa bình và cùng phát triển. Mặc dù, hướng tiếp cận hiềm khích lịch sử vẫn còn những hạn chế nhất định trong việc nhìn nhận và luận giải về các vấn đề xung đột tộc người, nhưng điểm mấu chốt quan trọng mà nó cung cấp là vai trò của cảm xúc tộc người hay quan hệ yêu - ghét. Điều này là một yếu tố căn bản, thường được vận dụng khai thác trong thực tiễn các cuộc XĐTN trên thế giới.

Vấn đề dân tộc và xung đột dân tộc ở Kosovo là một dạng thức có nhiều mối liên hệ với những căn nguyên hiềm khích hận thù lịch sử giữa hai cộng đồng tộc người Albani và Secbia (Horowitz, 1998). Các cuộc xung đột đã diễn ra giữa người Hungary gốc Romani và người Thổ gốc Bulgari cũng có bắt nguồn từ những hận thù tranh chấp về lãnh thổ, quyền lợi kinh tế từ hàng thế kỷ trước. Thực tế này tương tự ở cộng đồng người Sinhalese và Tamils ở Sri Lanka (Dixon, 1994). Xung đột dai dẳng giữa người Hmông và người Hán cũng bắt nguồn từ hiềm khích lịch sử trong quá trình bành trướng lãnh thổ của các vương triều Trung Hoa cũng như từ sự kỳ thị của đại bộ phận người Hán đối với người Hmông (Ronald, 2002).

Cách luận giải trên dường như gạt bỏ các nguyên nhân phức tạp khác bao hàm trong vấn đề xung đột tộc người. Hướng tiếp cận khởi nguyên luận có khuynh hướng quy giản những mâu thuẫn xung đột tộc người chỉ về các nguyên nhân hiềm khích lịch sử, ít hoặc không chú ý đến các mâu thuẫn, nguyên nhân khác hoặc xem nhẹ vai trò của những nguyên nhân này trong tương quan so sánh với nguyên nhân hiềm khích lịch sử. Nó cũng mang tính cứng nhắc vì mặc định xem những hiềm khích lịch sử giữa các tộc người là tự nhiên, trong trạng thái tĩnh, vốn đã có, chính là nguyên nhân cho tình trạng xung đột tộc người hiện tại. Cách tiếp cận này bỏ qua hoặc xem nhẹ ảnh hưởng của những tác nhân đến từ hiện tại đối với XĐTN.

2.2. *Bắt cập từ chính sách của Nhà nước*

Các nhà nghiên cứu theo hướng tiếp cận này thường dẫn giải ba mô hình thể chế chính chính: thực dân, cộng sản và dân chủ. Theo đó, từng thể chế thực dân, dân chủ hay cộng sản đều có những ảnh hưởng khác nhau do sự khác biệt về thể chế và cách thức vận hành, tác động khác nhau đến các mối quan hệ dân tộc, cũng như khả năng kiểm soát xung đột tộc người tiềm ẩn (Michael, 1996).

Các hệ thống chính trị thuộc địa sử dụng những chiến lược khác nhau nhằm duy trì quyền lực của mình đối với các quốc gia, tộc người bị đặt dưới nền thuộc địa. Người Anh phổ biến với cách làm chia để trị (phân chia và cai trị) nhằm tạo ra, đồng thời phân tách các

nhóm tộc người thành những bộ phận riêng rẽ, các khu vực độc lập tách biệt nhau nhằm tăng cường sức mạnh của hệ thống thuộc địa. Cách làm này được đặc biệt thực hành ở Uganda, Bắc Nigeria trong thế kỷ XIX khi chính quyền thực dân Anh nhận thấy sự hiện hữu sẵn có của các hệ thống xã hội ở những tộc người khác nhau. Họ nhận thấy các hệ thống này phục vụ đắc lực cho công việc cai trị của mình nên tiếp tục duy trì, thậm chí tăng cường vai trò của những hệ thống này, biến chúng thành công cụ cai trị cho mình. Chính sách này đã đào sâu mối ngăn cách giữa các tộc người khi biến họ thành những cộng đồng nhỏ lẻ, thiếu gắn kết, dễ cai trị hoặc đàn áp (Crawford, 1988). Trong khi đó, người Pháp lại tiến hành chính sách ngược lại qua việc gộp tất cả các cộng đồng tộc người vào làm một, xóa bỏ đường ranh giới tộc người, cấu trúc xã hội... nhằm thực thi một chính sách giáo dục, đồng hóa, cai trị thống nhất. Mặc dù vẫn duy trì một chút vai trò quyền lực cho các thủ lĩnh tộc người nhưng đa phần chúng chỉ mang tính biểu tượng (Lake and Rothchild, 1996).

Ở những quốc gia theo mô hình Cộng sản chủ nghĩa (như Liên bang Xô Viết và các Đông Âu trước đây), ý thức dân tộc - quốc gia được nhấn mạnh nhằm ngăn chặn những nguy cơ ly khai, tự trị của các nhóm tộc người riêng lẻ. Sự gắn kết này thường được thông qua ý thức chung về cội nguồn, ý thức hệ chính trị hay niềm tự hào quốc gia. XĐTN ở các quốc gia này trong thời kỳ đầu được kiểm soát chặt chẽ, một phần nhờ chính sách quản lý hài hòa, duy trì mức độ bình đẳng tối đa giữa các tộc người. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, những bất bình đẳng trong chính sách đất đai, cơ hội tiếp cận và hưởng lợi từ phát triển kinh tế đã trở thành ngòi nổ cho XĐTN (Michael, 1996).

Các thể chế dân chủ đa nguyên được xem là giải pháp sẽ thúc đẩy sự hợp tác giữa những nhóm tộc người và qua đó giảm thiểu nguy cơ xung đột tộc người. Sự vận hành của thể chế chính trị được xem là phương thức kiểm soát và ngăn ngừa trực tiếp các xung đột tộc người. Theo cách nói của Prazauskas (1991), trong một quốc gia dân chủ đa thành phần tộc người, sự ổn định thường được duy trì bằng những hình thức thương lượng và thỏa hiệp chính trị giữa các nhóm tộc người. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, cách thức vận hành của thể chế dân chủ đa nguyên đã tìm thấy và dàn xếp ổn thỏa các mối bất hòa giữa các tộc người ở giai đoạn sớm, qua đó ngăn ngừa chúng phát triển thành những cuộc bạo động XĐTN có vũ trang. Tuy nhiên, ở những giai đoạn chuyển đổi chính phủ cầm quyền, XĐTN dễ có nguy cơ bùng phát do những thay đổi đột ngột về chính sách [Cordell, Wolff (Chủ biên), 2011]. Cách diễn giải này cũng có một số hạn chế trong việc luận giải nguồn gốc, bản chất của XĐTN cũng như gây thách thức cho việc đề xuất chính sách kiểm soát XĐTN. Thứ nhất, việc quy XĐTN là hệ quả của thể chế chính trị vô hình chung đã đơn cực hóa XĐTN qua mối quan hệ giữa tộc người và nhà nước cầm quyền. Thứ hai, cách giải thích này chính trị hóa cực đoan XĐTN, đồng nhất XĐTN với bạo lực, tự trị, ly khai, quyền lực, lãnh thổ, trong khi trên thực tế XĐTN diễn ra ở nhiều cấp độ, phạm vi khác nhau. Thứ ba, cách diễn giải này cũng bỏ qua các yếu tố nội tại trong từng tộc người. Thứ tư, việc quy thể chế chính trị, nhà nước cầm quyền là tác nhân duy nhất của XĐTN đã bỏ qua sự tương tác tộc người trong bối cảnh lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội ở phạm vi rộng lớn mang tính vùng, liên vùng, quốc gia, xuyên quốc gia.

2.3. Tranh chấp nguồn lợi, địa vị

Một nghiên cứu chỉ ra rằng, từ năm 1982 đến năm 2005, liên quan đến nguồn tài nguyên nước trên thế giới đã có 10 cuộc xung đột lớn giữa các khối cư dân nhằm giành quyền tiếp cận và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên này. Thực tế, những cuộc xung đột nguồn tài nguyên nước này hầu hết không phải do các nhà nước phát động mà là do những cộng đồng cư dân đối đầu nhau. Xung đột về tài nguyên nước đã diễn ra ở một số lưu vực các con sông lớn trên thế giới như lưu vực sông Gioóc-đan, lưu vực sông Ti-grit và O-phrết, lưu vực sông Nin (Horowitz, 1985).

Theo hướng tiếp cận này thì nguyên nhân XĐTN có liên quan trực tiếp đến việc tranh chấp các nguồn lợi và quyền tiếp cận nguồn lợi nào đó mà nếu không đạt được, sẽ xảy ra xung đột (Hương Anh, 2012). Một nghiên cứu về xung đột và các hiệp định hòa bình trên thế giới chỉ ra rằng, ở hầu hết những cuộc xung đột, mưu cầu và đòi hỏi của các tộc người đều xoay quanh bảo đảm những quyền cơ bản cho họ (Williams, 1994). Cách tiếp cận này thường dựa vào một trong các lý thuyết sau: *Thuyết đẳng cấp* hướng tới sự phân biệt con người thông qua màu da hay một vài thực hành văn hóa đặc trưng. Ví dụ tiêu biểu là sự phân biệt giữa người da trắng và người da màu trong xã hội Mỹ từ sau nội chiến [Cordell, Wolff (Chủ biên), 2011]. *Thuyết thực dân* nhấn mạnh sự bất bình đẳng về quyền lực và nguồn lực giữa các dân tộc. Thuyết này cho rằng, sự kiểm soát và bóc lột các nhóm ngoài Châu Âu thuộc các nước thuộc địa chuyển từ nhóm da trắng ở cố quốc sang nhóm da trắng di cư tới những nước thuộc địa mới giành được độc lập (Donald, 1971).

Đánh giá một cách khách quan, cách luận giải này cũng chưa đầy đủ, xuất phát từ một vài hạn chế. Thứ nhất, nó tập trung nhìn vào bề nổi của XĐTN và tách biệt khỏi bối cảnh lịch sử. Thứ hai, cách nhìn này chủ yếu luận giải XĐTN dưới góc độ quyền lực, kinh tế, trong khi trên thực tế có nhiều XĐTN bị chi phối bởi các giá trị văn hóa, thực hành tôn giáo. Thứ ba, XĐTN không nhất thiết diễn ra cùng cấp độ, tính chất giữa các thành viên trong một tộc người nhưng cách luận giải trên đã áp đặt một nhóm làm đại diện cho cả cộng đồng tộc người. Thứ tư, cách nhìn trên coi XĐTN là tất yếu, là cách duy nhất để giải quyết bất bình đẳng, trong khi trên thực tế có nhiều phương thức giải quyết khác.

2.4. Khác biệt tôn giáo và văn hóa

Ảnh hưởng của tôn giáo dù vượt qua phạm vi tộc người nhưng việc tiếp nhận, vận hành tôn giáo ở từng tộc người vẫn có sự khác biệt và trong vài thập kỷ trở lại đây đã trở thành tâm điểm cho xung đột giữa tộc người với tộc người, giữa tộc người với quốc gia ở một số khu vực trên thế giới như: Ấn Độ (Weiner, 1978); Trung Quốc [Xie Lizhong (Chủ biên), 2014]; Indonesia, Philippine, Thái Lan (Bùi Huy Thành, 2007). XĐTN hiện nay thường xuất hiện ở các quốc gia có đa dân tộc, đa tôn giáo và đa văn hóa. Sự khác biệt về các yếu tố cộng thêm sự bất bình đẳng trên các khía cạnh văn hóa, kinh tế, xã hội khiến ngày càng xuất hiện nhiều hơn những cuộc XĐTN khắp nơi trên thế giới. Nguyên nhân tạo ra các xung đột không chỉ đơn thuần là một trong những nguyên nhân kể trên mà đôi khi các nguyên nhân này hòa trộn, cộng hưởng, phối hợp lẫn nhau.

Cách diễn giải trên khá tương đồng một phần với cách quy kết thể chế chính trị, chính sách nhà nước là nguyên nhân trực tiếp của XĐTN. Nó có khuynh hướng đặt tộc người trong mối quan hệ đối kháng với nhà nước cầm quyền. Cách nhìn này cũng xem nhẹ tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và quá trình tương tác giữa các tộc người. Những luận giải thường lấy yếu tố lịch sử để luận giải cho hiện tại.

2.5. Sự can thiệp của lực lượng ngoài biên giới quốc gia

Từ đầu những năm 1990 đến nay, các lực lượng ngoài biên giới lãnh thổ đến từ nhiều vùng hoặc quốc gia khác ngày càng có nhiều can thiệp đối với XĐTN ở một vài quốc gia, đặc biệt là khu vực Đông Âu và Trung Đông. Các thế lực này sử dụng nhiều chiêu bài khác nhau để thổi bùng XĐTN nhằm gây bất ổn trong quốc gia đó, lấy cớ can thiệp dưới chiêu bài nhân quyền, tự do tôn giáo,... Họ có thể lợi dụng hiểm khích lịch sử giữa các tộc người để thổi bùng xung đột giữa các tộc người, khiến Chính phủ ở quốc gia đó phải hao tổn nguồn lực để giải quyết. Cũng có trường hợp, một số bất cập chính sách của Chính phủ đương nhiệm bị khai thác, xuyên tạc nhằm tạo ra sự hiểu nhầm giữa các cộng đồng thiểu số với Nhà nước, dẫn đến biểu tình, bạo động chống Chính phủ hay cao hơn là phong trào đòi tự trị, ly khai. Các lực lượng này có thể là một chính phủ hiếu chiến, có mâu thuẫn với chính phủ còn lại hoặc cũng có thể chỉ là một đảng phái chính trị, tổ chức phi chính phủ hay thậm chí là tập đoàn kinh tế (McNamara, Terry, 1989). Có nhiều kênh mà các thế lực này đã sử dụng để khơi mào xung đột nhưng tựu trung là thông qua việc hỗ trợ tài chính để thúc đẩy một số hoạt động sau: Thứ nhất, thông qua các bất đồng trong lịch sử như tranh chấp đất đai, lãnh thổ như những gì đang diễn ra ở vùng Ban Căng, Nam Á. Thứ hai, lợi dụng một bộ phận đồng tộc ở nước ngoài để lôi kéo bộ phận trong nước như những gì đang diễn ra ở Trung Đông. Thứ ba, thông qua một số bộ phận bất mãn với chính quyền để khiếu kiện đồng người, tổ chức biểu tình, bạo động vũ trang như ở Philippines, Thái Lan. Thứ tư, xây dựng biểu tượng lãnh tụ mới ở một cộng đồng tộc người, cổ súy cho việc đòi quyền tự trị như trường hợp Tây Tạng ở Trung Quốc (Walker, 1994).

Cách nhìn trên, giống như cách quy kết XĐTN bị thúc đẩy bởi các nhà đầu cơ chính trị khi tuyệt đối chính trị hóa bản chất XĐTN. Nó cũng nhầm lẫn giữa căn nguyên trực tiếp và gián tiếp qua việc chỉ nhìn vào bề nổi mà không soi xét các cơ tầng bên dưới của XĐTN. Các yếu tố tại chỗ, trong nước, thể chế, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng bị coi nhẹ.

3. Một vài nhận xét

Những phân tích ở trên đã chỉ ra 5 nguyên nhân chính dẫn đến XĐTN qua tổng quan các nghiên cứu trước đây ở một số khu vực trên thế giới. Phần dưới đây tập trung đưa ra một số nhận xét khái quát lại về XĐTN trên thế giới từ năm 1990 đến nay trong phạm vi 6 khu vực địa lý chính: Nam Phi, Cáp Ca, Ban Căng, Trung Đông, Nam Á và một phần Đông Nam Á. Các nhận xét này chỉ giới hạn trong những xu thế chính, ở bình diện toàn cầu.

Thứ nhất, xu thế chung hay nói cách khác là điểm tương đồng lớn nhất về nhân tố tác động đến XĐTN hiện nay là tính khu vực và quốc tế của nó. Sự ảnh hưởng của XĐTN

không chỉ giới hạn trong phạm vi vùng hay quốc gia mà trực tiếp tác động đến nhiều quốc gia trong khu vực. XĐTN ở một số quốc gia Đông Âu dẫn đến làn sóng di cư của hàng trăm ngàn người vào các quốc gia phát triển ở Tây Âu trong thời gian gần đây là một ví dụ.

Thứ hai, những mâu thuẫn nội tại giữa các tộc người (văn hóa, tôn giáo, quyền lợi) có xu thế bị chính trị hóa, thậm chí khu vực hóa, quốc tế hóa dẫn đến xung đột ở phạm vi địa phương, dần dần bị leo thang ra phạm vi rộng lớn hơn. Tính chất xuyên biên giới, xuyên quốc gia của các tộc người này ngày càng trở nên phổ biến, kéo theo sự can dự của không chỉ các chính phủ liên đới mà cả các quốc gia trung gian, tổ chức quốc tế.

Thứ ba, nhân tố tác động không còn giới hạn đến từ bên trong giữa các tộc người mà còn đến từ bên ngoài lãnh thổ quốc gia. Khác biệt văn hóa, tôn giáo hay hiềm khích lịch sử và quyền lợi kinh tế đã dần trở nên như những nhân tố quan trọng nhưng chúng thường được châm ngòi, hậu thuẫn bởi các lực lượng đến từ các nước láng giềng.

Thứ tư, các cuộc XĐTN kể từ năm 1990 đến nay bị chi phối mạnh bởi yếu tố sắc tộc, tôn giáo. Đây là những căn nguyên, khởi phát ban đầu ở cấp độ địa phương rồi dần dần leo thang ra phạm vi vùng, quốc gia, thậm chí khu vực. Những gì đang diễn ra ở một số quốc gia Trung Đông và thậm chí cả Đông Nam Á là ví dụ: xung đột giữa những cộng đồng Hồi giáo theo dòng Sunni và Shiite hay các dòng khác nhau ở trong một quốc gia như: Syria, Iraq; giữa một số quốc gia Ả-rập, Hồi giáo với nhau và với Israel (Do Thái giáo); giữa Hồi giáo và Công giáo ở Philippines, Indonesia; giữa Hồi giáo và Phật giáo ở miền Nam Thái Lan, Myanmar;...

Thứ năm, có thể thấy trong 6 khu vực địa lý trên, mỗi khu vực gắn với một căn nguyên cơ bản khác nhau. Khu vực Nam Phi, Ban Căng, nguyên nhân chính dẫn đến XĐTN là tranh chấp quyền lãnh thổ, nảy sinh từ những xáo trộn, thay đổi về đường biên giới lãnh thổ quốc gia. XĐTN ở khu vực Trung Đông, Thái Lan, Philippines bị chi phối đậm nét hơn bởi vấn đề tôn giáo trong khi ở vùng Cáp Ca hay Nam Á thì yếu tố chính trị chi phối mạnh mẽ hơn. Ở Myanmar và Trung Quốc, bên cạnh vấn đề tôn giáo, chính sách của Nhà nước cầm quyền khiến một số tộc người thiểu số có ít sở hữu đất đai hơn hay chính sách phân biệt, khu biệt cũng góp phần không nhỏ trong việc châm ngòi cho những xung đột diễn ra trong suốt hơn hai thập kỷ qua.

Thứ sáu, tính chất, phạm vi của XĐTN khác nhau giữa các khu vực. Ở Trung Đông, Nam Phi, XĐTN nhằm hướng tới mục đích ly khai, tự trị, đòi thành lập một quốc gia mới, phân định lại lãnh thổ, ranh giới địa lý. Trong khi đó, ở Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan hay Philippines, các xung đột về căn bản là phản ứng của các tộc người thiểu số đối với một số chính sách của Nhà nước mà họ cho là chưa hợp lý hoặc nhằm đòi hỏi được trao thêm một số đặc quyền mà họ cho là mình xứng đáng được hưởng. Dù đã manh nha tư tưởng đòi ly khai, thành lập khu tự trị, nhưng những xu thế đòi tách ra, thành lập một quốc gia riêng không rõ nét ở 4 quốc gia này.

Thứ bảy, khác biệt văn hóa về căn bản chỉ dẫn đến những xung đột nhỏ lẻ, ở phạm vi địa phương, chủ yếu diễn ra dưới dạng các tranh chấp ở cấp độ cộng đồng mà ít khi dẫn đến

xung đột giữa các tộc người với chính phủ cầm quyền. Tuy nhiên, việc thiếu kiểm soát, xử lý dứt điểm tình trạng trên, hệ lụy cũng có thể rất khó lường.

Kết luận

Trong khoảng vài thập kỷ trở lại đây, XĐTN thường được nhìn ở 3 chiều cạnh chính, gồm: *khuếch tán và leo thang, tính xuyên quốc gia của xung đột tộc người, các phương thức hạn chế xung đột tộc người*. Theo cách nhìn này, XĐTN có thể gây ra xung đột giữa các quốc gia hay gây ra nhu cầu trỗi dậy, đòi hỏi quyền lực ở một nhóm tộc người cụ thể. Có xung đột đã dẫn đến việc hình thành quốc gia mới hay nội chiến trong suốt hàng thập kỷ (Altsatadt, 1994). Nguyên nhân của những xung đột này khá đa dạng, có thể vì lý do chính trị, tôn giáo, chủng tộc, lịch sử, địa lý, dân cư, quyền lợi kinh tế hay khác biệt về văn hóa. Chính vì thế, để nhận diện đầy đủ thực tế này, cần có cách tiếp cận tổng thể, đặt trong bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội thay vì chỉ nhìn nhận một tác nhân đơn lẻ nào đó.

Tài liệu tham khảo

1. Altsatadt, Audrey (1996), “Ethnic conflict in the post Soviet world: Case studies and analysis”, in: Leokadia Drobizheva, Rose Gottemoeller and others (ed, 1996) *Ethnic violence, war: International involvement, History*, Armonk, M. E. Sharpe, NY.
2. Bernard, L. (1992), “Muslims, Christians and Jews: The Dream of Coexistence”, *New York Review of Books*, P. 48.
3. Brown, Michael (1996), “The Causes and Regional Dimensions of Internal Conflict”, in: Brown, M. (ed), *The International Dimensions of Internal Conflict*, MIT Press. pp 571-602, Cambridge, MA.
4. Brunner, G. (1996), *Nationality Problems and Minority Conflicts in Eastern Europe*, Bertelsmann Foundation Publishers, Gütersloh.
5. Bùi Huy Thành (2007), “Về một số nguyên nhân xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Ấnônêxia trong những thập kỷ gần đây”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 3, tr. 67-70.
6. Conlon, Kevin T. (2012), *Ethnic violence in southern Thailand: the Anomaly of Satun*, PhD Dissertation, Naval Postgraduate School, California.
7. Connor, Walker (1994), *Ethnonationalism: the quest for understanding*, Princeton University, Princeton.
8. Cordell, K and Wolff, S. (eds. 2011), *Handbook of ethnic conflict*, Routledge.
9. Curry, Robert (2004), *Whispering death: Tuag Nco Ntsoocv*, Hostile fire LLC, NE, United States.
10. Dixon, W. J. (1994), “Democracy and the peaceful settlement of international conflict”, *American Political Science Review*, 88 (1), P.14.
11. Gallagher, T. (2006), *Response: when war and peace collide*, Humanitas, Buciresti.

12. Ganguly, R. (1998), "Why do ethnic groups mobilize?", in: T. R. (ed.), *National Identities and Ethnic Minorities in Eastern Europe*, pp. 49, St. Martin's Press, Inc, New York.
13. Horowitz, Donald L. (1998), "Structure and strategy in ethnic conflict", *Working paper on the World Bank annual conference on development economics*, Washington DC, April 22-24.
14. Horowitz, Donald (1971), "Three dimensions of ethnic politics", *World Politics* 23 (2), pp. 232-244.
15. Horowitz, D. L. (1985), *Ethnic groups in conflict*, University of California Press.
16. Hương Anh (2012), "Khát nước: nguy cơ làm gia tăng xung đột và căng thẳng các vấn đề quốc tế", *Tạp chí Cộng sản*, Số 1, tr. 108-111.
17. Lake, D. A., & Rothchild, D. (1996), "Ethnic Fears and Global Engagement: The International Spread and Management of Ethnic Conflict", *Working Paper*, Institute on Global Conflict and Cooperation.
18. McNamara, Francis Terry (1989), *France in Black Africa*, National Defense University Press, Washington, DC.
19. Prazauskas, A. (1991), "Ethnic Conflicts in the Context of Democratizing Political Systems", *Theory and Society*, Vol 2, pp. 596-622.
20. Prazauskas, A. (1995), *Ethnic Identity, Historical Memory, and Nationalism in Post-Soviet States (Working Paper)*, from Columbia International Affairs Online <http://www.ciaonet.org>
21. Rear, Michael (2008), *Intervention, ethnic conflict and state building in Iraq: a paradigm of the post colonial state*, Routledge.
22. Ronald, G. S. (2002), *Why We Hate You: The Passions of Religious and Ethnic Violence: A Talk for Purdue*, Purdue University, Indiana.
23. Xie Lizhong (ed, 2014), *Depoliticization of ethnic questions in China*, World Scientific Publishing Co. Pte, Ltd.
24. Young, Crawford (1994), *The African Colonial State in Comparative Perspective*, Yale University Press, New Haven, CT.
25. Young, Crawford (1988), "The African colonial state and its political legacy", in: Donald Rothchild and Naomi Chazan (ed), *The precarious balance: State and boundaries in Africa*, Westview (25-66), Boulder, Co.
26. Williams, R. M. (1994), "The Sociology of Ethnic Conflicts: Comparative International Perspectives", *Annual Review of Sociology*, Vol 20, pp. 45-82.
27. Weiner, M. (1978), *Sons of the soil: migration and ethnic conflict in India*, New Haven, Princeton University Press, New York.